

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HS-ST

Ngày 09/5/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc;

Ông Huỳnh Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Tiến Văn C**, sinh ngày 07/5/1980; tên gọi khác: Không; nơi sinh Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 1348/23, đường N, khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn C1**, sinh năm 1951 (đã chết) và bà **Kiều Thị Y**, sinh năm 1951; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba, có vợ là **Đoàn Thị G**, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 116/HS-ST ngày 11/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội: “Cướp tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày 20/4/1998, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 11/01/2024, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 17/01/2024; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2/ Họ và tên: **Phạm Công C2**, sinh ngày 14/8/1989; tên gọi khác: Kì; nơi sinh Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 436, **tổ G, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1958 và bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1952; gia đình có 02

anh em, bị cáo là con thứ hai, có vợ là **Ngô Thị Thu T1**, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2010; tiền án: Bản án số 496/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt tiền 25.000.000 đồng về tội: “Đánh bạc”, bị cáo chưa nộp phạt tiền 25.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 11/01/2024, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 17/01/2024; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3/ Họ và tên: **Bùi Văn G1**, sinh ngày 01/01/1979; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký thường trú: **Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang**; nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn Q**, sinh năm 1950 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1952; gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu, có vợ là **Lê Thị H**, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 11/01/2024, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 17/01/2024; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4/ Họ và tên: **Võ Tường H1**, sinh ngày 24/12/1987; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: **Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng**; nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Đăng Ú**, sinh năm 1931 (đã chết) và bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1942; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ tám, có vợ là **Cao Thị P**, sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 11/01/2024, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 17/01/2024; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5/ Họ và tên: **Trương Hoàng T2**, sinh ngày 01/01/1990; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: **Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Văn T3**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị T4**, sinh năm 1963; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba, có vợ là **Thái Thị Bích H2**, sinh năm 1991 (đã ly hôn), hiện sống chung như vợ chồng với **Lâm Thị Mỹ T5**, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 11/01/2024, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 17/01/2024; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6/ Họ và tên: **Trịnh Thị H3**, sinh ngày 01/01/1972; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký thường trú: **Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang**; nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trịnh Văn S** (đã chết) và bà **Trần Thị T6** (đã chết); gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai, có chồng là **Nguyễn Văn H4**, sinh

năm 1976 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 11/01/2024, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 17/01/2024; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Minh T7**, sinh ngày 08/7/1985; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: 635, **tổ A, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Phước M**, sinh năm 1954 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Tuyết L1**, sinh năm 1959; bị cáo là con một, có chồng là **Tô Quốc T8**, sinh năm 1974 (đã chết) và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 11/01/2024, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày 17/01/2024; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tiến Văn C, **Bùi Văn G1**, **Võ Tường H1**, **Trương Hoàng T2**, **Trịnh Thị H3** cùng làm công nhân tại **Công ty trách nhiệm hữu hạn G2**, địa chỉ ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/01/2024, **C**, **H1** và **G1** sau khi hết giờ làm việc rủ nhau đánh bạc bằng hình thức lắc bầu cua với cách thức và mức độ thắng thua như sau: Người làm cái sử dụng 03 hột bầu cua là khối hình lập phương bằng hột xí ngầu, trên mỗi mặt có in hình trái bầu, con cua, tôm, cá, gà, nai được đặt trong 01 hộp nhựa hình trụ có đĩa nhựa đẩy kín lắc lên cho 03 hột đảo lộn. Khi người làm cái lắc xong thì những người đánh bạc đặt tiền cược một hay nhiều hình đã chọn trên tờ giấy được trải sẵn có in hình trái bầu, con cua, tôm, cá, gà, nai (gọi là bàn bầu cua). Sau khi đặt tiền xong, người làm cái mở hộp ra để tính thắng thua. Người chơi đặt cược vào các hình con, vật tương ứng với hình con, vật ở mặt trên của 03 hột bầu cua thì thắng bạc, người làm cái chung tiền cho người thắng bạc tương ứng với số tiền đã đặt, nếu lắc ra 02 hoặc 03 hình con, vật giống nhau thì chung tiền gấp đôi hoặc gấp ba. Ngược lại người chơi đặt cược vào hình con, vật không trùng với mặt trên của hột xúc xắc thì thua số tiền đã đặt cho người làm cái.

Nguyễn Tiến Văn C lấy bộ dụng cụ đánh bạc gồm: 01 bàn bầu cua bằng giấy, 01 đĩa nhựa, 01 hộp nhựa hình trụ tròn và 03 hột xí ngầu cùng **H1**, **G1** đi vào phòng trọ (do **công ty X** nhưng chưa có người ở) đánh bạc, thống nhất mỗi người xoay vòng làm cái và đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng. **C** sử dụng 3.000.000 đồng đánh bạc, **G1** sử dụng 2.900.000 đồng đánh bạc, **H1** sử dụng 1.900.000 đồng đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, **Phạm Công C2** mang theo 2.190.000 đồng cùng **Trương Hoàng T2** vào tham gia đánh bạc. Khi đến lượt **H1** làm cái đánh bạc với **C**, **G1**, **C2** thì **Trịnh Thị H3** mượn Chương 100.000 đồng và tham gia đặt cược được 02 ván, mỗi ván 50.000 đồng, **T2** ngồi xem. **H3** tham gia đánh bạc hai ván thì thua hết tiền rồi ngồi xem, còn **T2** mượn tiền của **G1** 05 lần mỗi lần 100.000 đồng vào tham gia đánh bạc. Đến

khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, Công an huyện V phối hợp Công an xã T phát hiện C, H1, G1, C2 và T2 đang đánh bạc nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.990.000đ (Chín triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

Vật chứng thu giữ gồm:

- T9 tại chiếu bạc: Số tiền 5.650.000 đồng; 01 đĩa nhựa; 01 hộp nhựa hình trụ tròn; 01 bàn bầu cua bằng giấy; 03 hột bầu cua.

- Thu trên người các đối tượng: Nguyễn Tiến Văn C số tiền 510.000 đồng (trong đó có 10.000 đồng không sử dụng đánh bạc), 01 điện thoại di động Iphone 7; Phạm Công C2 số tiền 2.720.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone X; Bùi Văn G1 số tiền 20.000 đồng, 01 điện thoại di động Vivo; Trường H6 01 điện thoại di động Iphone 6; Võ Tường H1 số tiền 1.100.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia 105 và 01 điện thoại di động Realme.

- Thu giữ xung quanh hiện trường: 03 xe mô tô biển số 95E1-457.67; biển số 60L7-6516 và biển số 83S2-3029.

Kết quả xác minh xác định nguồn gốc xe mô tô như sau:

- Xe mô tô Zipstar biển số 60L7-6516 do bà Nguyễn Thị Thương H5, sinh năm 1962, ngụ tại khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đứng tên trên chứng nhận đăng ký. Năm 2014, bà H5 bán xe cho người không rõ họ tên, địa chỉ và không làm thủ tục sang tên. Phạm Công C2 mua lại xe mô tô của người (không rõ họ tên, địa chỉ) không có giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Xe mô tô Honda Air Blade biển số 95E1-457.67 do Bùi Văn G1 đứng tên chứng nhận đăng ký. Ngày 11/01/2024, G1 điều khiển xe mô tô đi làm đến tham gia đánh bạc nhưng không sử dụng xe mô tô vào mục đích đánh bạc.

- Xe mô tô Wamoto biển số 83S2-3029 do ông Trương Thủy T10, sinh năm 1987 (anh của Trương Hoàng T2), ngụ tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đứng tên chứng nhận đăng ký. Ông T10 cho T2 mượn xe mô tô đi làm. Ngày 11/01/2024, T2 điều khiển xe mô tô đi làm đến tham gia đánh bạc, ông T10 không biết T2 sử dụng xe đi đánh bạc.

Về xử lý vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã giao trả: 01 điện thoại di động Nokia 105 và 01 điện thoại di động Realme cho Võ Tường H1; 01 điện thoại di động Vivo và xe mô tô biển số 95E1-457.67 cho Bùi Văn G1; 01 điện thoại di động Iphone 6 cho Trương Hoàng T2; 01 điện thoại di động Iphone 7 cho Nguyễn Tiến Văn C; 01 xe mô tô biển số 83S2-3029 cho ông Trương Thủy T10.

Đối với xe mô tô biển số 60L7-6516 thu giữ của Phạm Công C2 không có giấy chứng nhận đăng ký xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển giao cho Công an huyện V tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V kiểm tra điện thoại di động Iphone X của Phạm Công C2 xác định ngoài hành vi phạm tội trên, Phạm Công C2 còn có hành vi đánh bạc hình thức ghi số đề với Nguyễn Thị Minh T7, sinh năm 1985, ngụ tại khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Nguyễn Thị Minh T7 biết Phạm Công C2 nhận ghi và thầu số đề dựa vào

kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền N, được mở thưởng lúc 16 giờ 10 phút và kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền T11, được mở thưởng lúc 17 giờ 15 phút hàng ngày cho những người có nhu cầu với cách thức đánh bạc ghi số đề và tỷ lệ thắng, thua như sau: Trước khi có kết quả xổ số kiến thiết trong ngày mở thưởng, người mua đề lựa chọn con số theo ý thích và đặt cược tiền số đã chọn đề so sánh với các con số trên lô xổ số khi mở thưởng sau đó gửi tin nhắn cho người bán qua mạng zalo. Người bán đề nhắn tin “ok” xác nhận lại với người mua. Khi kết quả xổ số kiến thiết trong ngày mở, nếu các con số của người mua đề trùng các con số trên các lô xổ số thì người mua đề thắng bạc, người bán đề trả tiền cho người mua đề. Ngược lại thì người mua đề thua bạc với số tiền sử dụng để ghi số đề. Mức độ ăn thua được tính theo các hình thức: Đầu, đuôi tức là mua hai số trùng với hai số ở giải tám hoặc hai số cuối của giải đặc biệt thì tỷ lệ thắng bạc là 01 ăn 70 lần; bao lô 02 số tức là mua 02 con số bất kỳ nếu trùng với 02 con số cuối của tất cả các giải thì thắng bạc tỷ lệ 01 ăn 70 lần; bao lô 03 số tỷ lệ thắng bạc 01 ăn 600 lần; đánh số xiên (03 cặp số) tức là chọn bao lô ba cặp số trùng với 02 con số cuối của tất cả các giải thì thắng bạc tỷ lệ 01 ăn 500 lần; xổ chủ tức là khi 03 con số của giải bảy trùng với 03 con số của giải đặc biệt thì người mua thắng bạc tỷ lệ 01 ăn 500 lần; số đá tức là mua ít nhất 02 cặp số nếu trùng với 02 số cuối của tất cả các giải thì thắng bạc tỷ lệ 01 ăn 700 lần.

Khoảng 15 giờ 19 phút ngày 11/01/2024, C2 đang chơi tại khu vực xã T, huyện V thì T7 sử dụng tài khoản zalo “Thùy Dương” được tạo trên điện thoại di động Oppo A57 gắn sim số 0937.759.062 nhắn tin vào tài khoản zalo “Ky” được tạo trên điện thoại di động Iphone X gắn sim số 0977.639.669 của C2 mua số đề theo kết quả xổ số kiến thiết 03 tỉnh miền N gồm: Tây Ninh, Bình Thuận và An Giang với số tiền đánh bạc là 7.560.000 đồng. Đến 17 giờ 06 phút cùng ngày, T7 tiếp tục nhắn tin cho C2 mua số đề theo kết quả xổ số kiến thiết 03 tỉnh miền T11 gồm: Quảng Bình, Quảng Trị và Bình Định với số tiền đánh bạc là 1.890.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số mở thưởng trong ngày, T7 thắng bạc như sau:

- Theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh: Bao lô số 11 thắng 700.000 đồng, bao lô số 31 thắng 700.000 đồng; kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Bình Thuận: Bao lô số 05 thắng 700.000 đồng, bao lô số 17 thắng 700.000 đồng, bao lô số 31 tại giải 4 và giải 5 thắng 1.400.000 đồng; kết quả xổ số kiến thiết tỉnh An Giang: Bao lô số 70 thắng 700.000 đồng. Như vậy tổng số tiền đánh bạc của Phạm Công C2 và Nguyễn Thị Minh T7 theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền N là 12.460.000 đồng.

- Theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Quảng Bình: Bao lô số 00 thắng 350.000 đồng, bao lô số 02 thắng 350.000 đồng, bao lô số 12 thắng 350.000 đồng, bao lô số 16 thắng 350.000 đồng; kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Quảng Trị: Bao lô số 12 thắng 350.000 đồng, bao lô số 08 thắng 350.000 đồng; kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Bình Định: Bao lô số 06 thắng 350.000 đồng. Như vậy tổng số tiền đánh bạc của Phạm Công C2 và Nguyễn Thị Minh T7 theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền T11 là 4.340.000 đồng. Các bên chưa thanh toán tiền đánh bạc cho nhau.

Lúc 22 giờ ngày 11/01/2024, Nguyễn Thị Minh T7 đến Công an xã T,

huyện V đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động Oppo A57 gắn sim số 0937.759.062. Công an xã tiến hành lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản Cáo trạng số: 69/CT-VKSVC ngày 16/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến Văn C, Phạm Công C2, Bùi Văn G1, Võ Tường H1, Trương Hoàng T2, Trịnh Thị H3 và Nguyễn Thị Minh T7 về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Văn C từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách; phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Công C2 từ 08 tháng đến 10 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17; và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo:

- Phạt tiền đối với Bùi Văn G1 và Võ Tường H1, mỗi bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

- Phạt tiền đối với Trương Hoàng T2 và Trịnh Thị H3, mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng;

- Phạt tiền đối với Nguyễn Thị Minh T7 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo như Cáo trạng đã viện dẫn là phù hợp quy định của pháp luật. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Các bị cáo không phát biểu tranh luận và không trình bày lời bào chữa.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải về hành vi vi phạm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tiến Văn C cùng đồng phạm đã khai

nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 20 phút ngày 11/01/2024, tại phòng trọ Công ty TNHH G2, địa chỉ ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Tiến Văn C cùng Bùi Văn G1, Võ Tường H1, Phạm Công C2, Trương Hoàng T2 và Trịnh Thị H3 thay nhau làm cái đánh bạc bằng hình thức lắc bầu cua. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.990.000đ (Chín triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

Khoảng 15 giờ 19 phút ngày 11/01/2024, tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Phạm Công C2 đánh bạc với Nguyễn Thị Minh T7 bằng hình thức ghi số đề dựa theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền N, với số tiền đánh bạc là 12.460.000đ (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

Khoảng 17 giờ 06 phút ngày 11/01/2024, tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Phạm Công C2 đã có tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với Nguyễn Thị Minh T7 dựa theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền T11, với số tiền đánh bạc là 4.340.000đ (Bốn triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Tiến Văn C, Phạm Công C2, Bùi Văn G1, Võ Tường H1, Trương Hoàng T2, Trịnh Thị H3 và Nguyễn Thị Minh T7 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương xã T, huyện V nói riêng và trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói chung, là nguyên nhân gián tiếp gây ra các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo đều biết nhà nước nghiêm cấm hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền, nhưng các bị cáo Nguyễn Tiến Văn C, Phạm Công C2, Bùi Văn G1, Võ Tường H1, Trương Hoàng T2 và Trịnh Thị H3 đã tham gia thay nhau làm cái đánh bạc tại khu vực phòng trọ Công ty TNHH G2, thuộc xã T, huyện V bằng hình thức “lắc bầu cua”; bị cáo Phạm Công C2 và Nguyễn Thị Minh T7 đã tham gia đánh bạc tại địa bàn xã T, huyện V bằng hình thức “ghi số đề”, sát phạt thắng thua bằng tiền lẫn nhau.

[3] Xét tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo trong vụ án thể hiện;

Các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, nhất thời phạm tội.

Các bị cáo Nguyễn Tiến Văn C, Phạm Công C2, Bùi Văn G1, Võ Tường H1, Trương Hoàng T2 và Trịnh Thị H3 tham gia đánh bạc thay nhau làm cái lắc bầu cua cho đến thời điểm Công an bắt quả tang. Trong đó, Nguyễn Tiến Văn C cung cấp dụng cụ đánh bạc và sử dụng số tiền 3.000.000 đồng, Bùi Văn G1 sử dụng số tiền 2.900.000 đồng, Võ Tường H1 sử dụng số tiền 1.900.000 đồng, Phạm Công C2 sử dụng số tiền 2.190.000 đồng, Trương Hoàng T2 sử dụng số tiền 500.000 đồng (mượn của G1 trong số tiền 2.900.000 đồng), Trịnh Thị H3 sử

dụng số tiền 100.000 đồng (mượn của C trong số tiền 3.000.000 đồng) để đánh bạc.

Các bị cáo Phạm Công C2 và Nguyễn Thị Minh T7 tham gia đánh bạc do C2 là người nhận thầu và ghi số đề. Trong đó, Phạm Công C2 đánh bạc với Nguyễn Thị Minh T7 dựa theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền N, với số tiền đánh bạc là 12.460.000đ (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng); dựa theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền T11, với số tiền đánh bạc là 4.340.000đ (Bốn triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

Số tiền mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc là một trong những căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Về hình phạt dành cho bị cáo Nguyễn Tiên Văn C tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm; hình phạt dành cho bị cáo Phạm Công C2 tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm do C2 có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; hình phạt dành cho các bị cáo Bùi Văn G1, Võ Tường H1, Trương Hoàng T2, Trịnh Thị H3 và Nguyễn Thị Minh T7 tương đương nhau như đã phân tích nêu trên. Do vậy, để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng để các bị cáo lấy đó làm bài học cho mình mà tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Công C2 phạm tội thuộc trường hợp ‘Phạm tội 02 lần trở lên’ và ‘Tái phạm’ theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (trừ bị cáo C và C2); quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo C và C2 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mặc dù bị cáo C là người bị kết án vào năm 1999, nhưng đã được xóa án tích, tính chất, mức độ của tội phạm mới lần này được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T7 đầu thú khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo C2 và T7 đã tự nguyện nộp lại số tiền đánh bạc để sung vào công quỹ nhà nước; bị cáo H3 không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; các bị cáo G1, H1, T2, H3 và T7 có nhân thân là ngoài lần phạm tội này, đều chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú các bị cáo đều chấp hành nghiêm quy định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, chấp hành đúng chính sách, pháp luật và không vi phạm pháp luật gì; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i (trừ bị cáo C và C2), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định hình phạt cho từng bị cáo và áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo C, áp dụng thêm Điều 35 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho các bị cáo G1, H1, T2, H3 và T7 mà vẫn đạt được yêu cầu của việc phòng và chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để thể hiện sự nghiêm khắc trong việc cá thể hóa hình phạt đối với bị cáo **C** trong vụ án. Đối với bị cáo **C2** hình phạt chính là phạt tù đã nghiêm khắc nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Đối với các bị cáo **G1, H1, T2, H3** và **T7**, hình phạt chính là hình phạt tiền, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V** đã giao trả lại các tài sản nêu trên cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản là đúng quy định của pháp luật.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9.990.000đ (Chín triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng); 01 (một) điện thoại di động Iphone X của **Phạm Công C2**; 01 (một) điện thoại Oppo A57 di động của **Nguyễn Thị Minh T7**, là tiền, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 7.350.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) do **Phạm Công C2** giao nộp; số tiền 7.560.000đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) do **Nguyễn Thị Minh T7** giao nộp, là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đĩa nhựa; 01 (một) hộp nhựa hình trụ tròn; 01 (một) bàn bầu cua bằng giấy; 03 (ba) hột bầu cua, là công cụ dùng vào việc phạm tội.

- Giao trả tài sản không phải là vật chứng cho chủ sở hữu **Nguyễn Tiến Văn C** số tiền 10.000đ (Mười ngàn đồng).

- Đối với xe mô tô biển số 60L7-6516 thu giữ của **Phạm Công C2** không có giấy chứng nhận đăng ký xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển giao cho **Công an huyện V** tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với **Nguyễn Thị Minh T7** có hành vi đánh bạc theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền **T11**, nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Trưởng **Công an huyện V** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 58/QĐ-XPHC ngày 17/3/2024, phạt tiền 350.000 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự (áp dụng cho bị cáo **C**);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự (áp dụng cho bị cáo **C2**);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự (áp dụng cho các bị cáo **G1**, **H1**, **T2**, **H3** và **T7**);

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Tiến Văn C**, **Phạm Công C2**, **Bùi Văn G1**, **Võ Tường H1**, **Trương Hoàng T2**, **Trịnh Thị H3** và **Nguyễn Thị Minh T7** phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Tiến Văn C** 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Giao bị cáo **Nguyễn Tiến Văn C** cho Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **V**, tỉnh **Đồng Nai** nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. (Đã giải thích hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; và vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

- Bị cáo **Phạm Công C2** 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước, từ ngày 11/01/2024 đến ngày 17/01/2024.

- Phạt tiền bị cáo **Bùi Văn G1** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Phạt tiền bị cáo **Võ Tường H1** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Phạt tiền bị cáo **Trương Hoàng T2** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Phạt tiền bị cáo **Trịnh Thị H3** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Thị Minh T7** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 45, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9.990.000đ (Chín triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng); 01 (một) điện thoại di

động Iphone X; 01 (một) điện thoại di động Oppo A57.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 7.350.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) do **Phạm Công C2** giao nộp; số tiền 7.560.000đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) do **Nguyễn Thị Minh T7** giao nộp.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đĩa nhựa; 01 (một) hộp nhựa hình trụ tròn; 01 (một) bàn bầu cua bằng giấy; 03 (ba) hột bầu cua.

Trả lại cho **Nguyễn Tiến Văn C** số tiền 10.000đ (Mười ngàn đồng).

(Theo biên lai thu tiền số 0004315 ngày 19/4/2024, số 0004273 ngày 02/5/2024, số 0004274 ngày 02/5/2024 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Vĩnh Cửu;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đường Anh Sơn